

Bảng 8.

So sánh khả năng thu hồi của các loại chi phí khác nhau trên các khu vực pháp lý Đông Nam Á

Các loại chi phí	Indonesia	Malaysia	Philippines	Vietnam	Thailand
Chi phí vận hành	Y	Y	Y	Y	Y
Chi phí vật tư, thiết bị	Y	Y	Y	Y	N
Chi phí hành chính/pháp lý chung phát sinh liên quan đến Hoạt động Dầu khí	Y	Y	Y	Y	Y
Đầu tư/chi phí vốn	Y	Y	Y	Y	N
Chi phí thu dọn mỏ (bao gồm cả đóng góp vào quỹ dự phòng)	Y	Y	●	Y	Y
Các chi phí phạt hành chính và hình sự, bao gồm yêu cầu bồi thường, tiền phạt và hình phạt liên quan đến việc vi phạm upstream (hoặc các quy định khác)	N	N	●	N	N
Khấu hao tài sản	N	N	●	N	Y
Chi phí lao động nước ngoài	N	Y	●	N	Y
Phí dịch vụ tư vấn thuế	N	N	●	Y	N
Chi phí marketing	Y	N	●	N	Y
Chi phí quan hệ công chúng	N	N	●	N	Y
Chi phí liên quan đến việc mua bán tài sản thương mại	N	N	●	N	N
Tiền thuế	N	N	●	N	N
Chi phí mua sắm	Y	Y	●	Y	Y
Tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc đàm phán, ký hoặc phê chuẩn PSC hoặc bất kỳ chi phí nào khác phát sinh trước khi thực hiện PSC	N	N	●	N	N
Chi phí kế toán, kiểm toán	N	N	●	N	N

Các loại chi phí**Indonesia Malaysia Philippines Vietnam Thailand**

Chi phí tài trợ, bao gồm lãi suất, phí ngân hàng, hoa hồng, và môi giới

N N ● Y N

Tất cả các chi phí và lệ phí liên quan đến việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến Hoạt động Dầu khí

Y N Y N Y

Chi phí vận chuyển người lao động, thiết bị, vật tư, vật tư cần thiết cho hoạt động dầu khí

Y Y Y Y